

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO LỚN

NĂM HỌC 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về sau.	1->9
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi lên, xuống trên ván dốc(dài 2 m, rộng 0,3 m) một đầu kê cao 0,3 m.	- Đi trên ván kê dốc.	6
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi trên dây	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.	3
4	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi đi bằng mép ngoài bàn chân	- Đi bằng mép ngoài bàn chân	1
5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi đi khụy gối.	- Đi khụy gối.	4

6	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi đi nói bàn chân tiến, lùi.	- Đi nói bàn chân tiến, lùi.	2
7	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát	7
8	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	4
9	Trẻ biết kiểm soát được vận động khi đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đặc theo hiệu lệnh □	5,8,9
10	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng 4m).	- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng 4m).	3
11	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi thực hiện vận động chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	9
12	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	4,6
13	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi thực hiện vận động tung bóng lên cao và bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt.	1
14	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi tung, đập bắt bóng tại chỗ.	- Đập và bắt bóng tại chỗ.	3
15	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	- Đi và đập bắt bóng.	9
16	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây.	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây.	6
17	Trẻ biết thể hiện mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2 m).	- Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.	5,7

18	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh khi chạy chậm khoảng 100 - 120 m.	- Chạy chậm khoảng 100 - 120 m	8
19	Trẻ biết thể hiện nhanh, khéo khi bò bằng bàn tay và bàn chân 4 - 5 m.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m	1
20	Trẻ biết thể hiện nhanh, khéo khi bò chui qua ống dài 1,5 m x 0,6 m.	- Bò chui qua ống dài 1,5 m x 0,6 m.	5
21	Trẻ biết thể hiện nhanh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm.	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm.	2
22	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo khi bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Bò đích dắc qua 7 điểm.	3
23	Trẻ biết thể hiện nhanh mạnh, khéo léo khi Bật liên tục vào vòng	- Bật liên tục vào vòng. - Bật tách khớp chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản cao 15 - 20 cm. - Bật xa 40 - 50 cm.	2,4,5,8
24	Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống 7 giống thang.	6
25	Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy lò cò 5m	7
26	Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm.	- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45 cm)	3
27	Trẻ biết thực hiện được các vận động. Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay	2,6
28	Trẻ biết thực hiện được các vận động: Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động của ngón tay	4
29	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số..	- Tô, đồ theo nét	2,3

30	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Cắt được theo đường viền của hình vẽ.	- Xé, cắt đường vòng cung.	5,8
31	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.	- Lắp ráp.	4,5
32	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	- Bẻ, nắn. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu	4,6
33	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)	- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéch mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	1,9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
34	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá ...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	5
35	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	6
36	Trẻ biết nói tên được một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2
37	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2

38	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	- Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	7
39	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: Tự thay quần áo, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	- Tự thay quần áo, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	2, 8
40	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1
41	Trẻ biết sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.	2
42	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống. Mời cô, mời bạn khi ăn và mời ăn từ tốn.	- Mời cô, mời bạn trước khi ăn, ăn từ tốn.	3
43	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.	- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.	6
44	Trẻ biết một số thói quen tốt trong ăn uống: Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	3
45	Trẻ biết một số thói quen tốt trong ăn uống: Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	7
46	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng, sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	2
47	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	8

48	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong phòng bệnh: Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh <i>bệnh về đường hô hấp, đậu mùa, cúm A,...</i>	4
49	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Che miệng khi ho, hắt hơi.	- Che miệng khi ho, hắt hơi.	5
50	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	1
51	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh: Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.	7
52	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: <i>Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i>	8
53	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn như: <i>Cháy, nổ, chập điện,...</i>	4
54	Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc...	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc...	6
55	Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết không tự ý uống thuốc.	- Không tự ý uống thuốc.	4
56	Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Trẻ biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê hút thuốc lá là không tốt cho sức khỏe.	- Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê hút thuốc lá là không tốt cho sức khỏe.	2,5

57	Trẻ biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi nước, ngã chảy máu...	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	7
58	Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	- Tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	2
59	Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi lạc biết hỏi gọi người lớn giúp đỡ.	- Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi lạc hỏi gọi người lớn giúp đỡ	3
60	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.	9
61	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở nơi công cộng về an toàn khi đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.	- Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.	7
62	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Không leo trèo cây, ban công, tường rào....	- Không leo trèo cây, ban công, tường rào....	6
Điều chỉnh bs			

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a. Khám phá khoa học

63	Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: "Tại sao có mưa?"....	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Lợi ích của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i>	8
63	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loài cây, con vật. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát - Chức năng các giác quan và các bộ phận trên cơ thể.	2, 5, 6, 8
64	Trẻ làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới theo dõi và so sánh sự phát triển.	6
65	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện về thảo luận.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa: <i>Mùa xuân đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột</i> và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. □	6, 8

66	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 -3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 -3 dấu hiệu □	5, 6
67	Trẻ nhận biết, phân biệt nói rõ ràng tên, đặc điểm các từ, câu bằng tiếng việt: trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên, nghề nghiệp, con vật cây , hoa, quả, PTGT....	- Tên, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi bằng <i>Tiếng Việt</i>. - <i>Nói được các từ, câu chỉ</i> đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa, quả rõ ràng bằng <i>Tiếng Việt</i> -<i>Nói tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 -3 dấu hiệu bằng Tiếng Việt</i>	1,5,6,7
68	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: "Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,5,6
69	- <i>Biết tên các loại thiên tai xảy ra ở Việt Nam và mối quan hệ giữa thiên tai và cuộc sống. Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao làm như vậy.</i>	- <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Động đất: ra chỗ đất chống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại...</i> + <i>Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống.</i> + <i>Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường.</i> + <i>Mưa đá: Mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất...</i> -<i>Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i>	8
70	Trẻ biết giải quyết vấn đề bằng các cách khác nhau.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	5, 6

71	Trẻ biết nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	3, 5, 6,8
72	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	9
73	<i>Trẻ nhận biết, kể tên và so sánh bằng tiếng việt rõ ràng: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	- Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Tập chung chú ý trong khi học. - Kể tên và nói được bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể.	2,9
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
74	Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu ?"; "Đây là mấy ?"...	- Quan tâm đến các con số như thích hỏi về số lượng và đếm hỏi: "Bao nhiêu?"; "Đây là mấy?".	3,9
75	Trẻ đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	1,3,6,8,9
76	Trẻ so sánh được số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	4
77	Trẻ gộp được các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	3,5,7,8,9
78	Trẻ tách được một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	3,5,7,8,9

79	Trẻ nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	1,3,5,6,7,8,9
80	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe)	3
81	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	1
82	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	6
83	Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	3
84	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	4,6,8
85	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	4,5,6
86	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
87	Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	1,7

c. Khám phá xã hội

88	Trẻ nói được họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình: <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái và bình đẳng giữa bạn trai và bạn gái</i>	2
89	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3,4
90	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà mình, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có).	9
91	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non;	1
92	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Công việc của các cô bác trong trường.	1
93	Trẻ nói được tên đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện <i>bằng Tiếng việt</i>	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. - <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt</i> những đặc điểm nổi bật của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác, các bạn ở <i>trong trường</i>	1
94	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - <i>Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn,...</i>	4

95	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: "Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên..."	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	1,6,9
96	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh - Biết 1 vài cảnh đẹp, di tích lịch sử của quê hương đất nước: <i>Ngày hội đến trường của bé; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ngày 8/3...</i> - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thị Hồ (Vừ A Sẻ); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát.</i>	9
Điều chỉnh			
bs			

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a, Nghe hiểu lời nói

97	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái "T" đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái"	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp	4
98	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu được các từ khái từ trái nghĩa - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của BĐKH theo mối liên quan đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt, lở đất.</i>	8

99	Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,7
100	<i>Biết nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.</i>	- Trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn (truyện cười) ngắn, đơn giản (Ví dụ: Gấu con bị đau răng, chó sói và cừu non, thỏ con đi học, ...) - Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện và tính cách nhân vật chính trong câu chuyện ngắn không quen thuộc sau khi được nghe kể chuyện. - Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao.... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đóng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự	8,9

b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

101	Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.	7
102	Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. <i>Trẻ nói được tiếng việt rõ ràng khi người lớn yêu cầu</i>	- Kể lại sự việc theo trình tự. - <i>Nói rõ ràng các từ, câu Tiếng Việt chỉ tên, tuổi, đặc điểm trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	1->9
103	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu cho trẻ dân tộc thiểu số. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	2,3,5,8

104	Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "tại sao?"; "có gì giống nhau?"; "có gì khác nhau?"; "do đâu mà có?" - Đặt các câu hỏi: "tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?"	4,7
105	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Thể hiện tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ qua đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	1,3,5,9
106	Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể chuyện đã được nghe theo trình tự	9
107	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	8,9
108	Trẻ sử dụng các từ: "Cảm ơn" ; "Xin lỗi" ; "Xin phép" ; "Thưa" ; "Dạ" ; "Vâng"... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	3,4
109	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.	2,6
c, Làm quen với đọc viết			
110	Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn và bảo vệ sách.	3,7
111	Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật theo tranh.	7,9
112	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	1,4
113	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ ...)	7

114	Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt: o, ô, ơ....	1->9
115	Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Tập tô các chữ cái: o, ô, ơ,...	1->9
Điều chỉnh			
bs			

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

116	Trẻ nói đúng họ, tên, tuổi, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	- Tên, tuổi, giới tính, nói địa chỉ nơi ở của bản thân và GD. - <i>Bình đẳng giới</i>	2,3
117	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2
118	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
119	Trẻ biết mình là con/cháu anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1,3
120	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Nghe lời cô giáo và những người thân trong gia đình. - Quan tâm, yêu thương, giúp đỡ những người gần gũi (ông bà, bố mẹ, anh chị em trong gia đình, cô giáo, bạn bè ở lớp học).	1,3,4
121	Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	7,8
122	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao: Trực nhật, xếp dọn đồ chơi. - <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường có hiệu quả, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i>	3,5
123	Trẻ nhận biết được một số trạng thái, cảm xúc. Vui, buồn, sợ, hãi, tức, giận, ngạc nhiên xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	4,7

124	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2,9
125	Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - <i>Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai</i> - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	3, 8
126	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...)	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(chỗ ở, nơi làm việc..)	9
127	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
128	Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống" trang phục, món ăn..." của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <i>Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ngày 8/3...</i> - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Đồi A1, Hàm đờ cát, đài tưởng niệm...</i>	1,4,6,9
129	Trẻ biết thực hiện một số qui định ở lớp gia đình và nơi công cộng sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ: Trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).	4,7
130	Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự	1,3,8
131	Chú ý nghe khi cô, bạn khác nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe khi cô, bạn khác nói, không ngắt lời người khác.	5,8
132	Biết chờ đến lượt	- Tôn trọng hợp tác, chấp nhận.	6
133	Biết lắng nghe ý kiến trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Trao đổi để thỏa thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung.	4,7

134	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Trẻ dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn.	6
135	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Bỏ rác đúng nơi qui định.	3
136	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - " sai", " tốt"- xấu". - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan nhà trường</i>	8
137	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng không để thừa thức ăn).	- Tiết kiệm điện, nước	8
138	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự trợ giúp - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu	5
Điều chỉnh			
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
139	Tán thưởng tự khám phá bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	4
140	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (Hát theo nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) phù hợp theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ. Thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết của các bài hát, bản nhạc.	1,2,3
141	Trẻ thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	5

142	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Thể hiện tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ qua hát về Bác Hồ.	7,9
143	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức vỗ tay múa theo tiết tấu □	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát bản nhạc	6,8
144	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. + Làm đèn lồng. + Xé, dán theo ý thích từ giấy, họa báo + Dự án: Làm tấm thiệp tặng cô giáo + Làm các con vật bằng lá cây + Làm phong bao lì xì + Dự án: Chế tạo máy bay bằng giấy + Làm chong chóng + Làm cuốn sách của bé.	1->9
145	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc đường nét và bố cục	1,3,5
146	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối sắc hài hòa, bố cục cân đối.	4,5,6
147	Trẻ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có kích thước hài hòa bố cục cân đối hòa, bố cục cân đối.	4,6
148	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có kích thước đường nét và bố cục	7
149	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng- đường nét và bố cục	2,5
150	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc một đoạn) - Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	7

151	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	8,9
152	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	6
153	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,9
Điều chỉnh			

Giáo viên

Tổ chuyên môn duyệt

Nhà trường duyệt

Lã Thị Thanh Thủy

Hằng Thị Dừa

Nguyễn Thị Thêu

Lã Thị Thanh Thủy